



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 35

C.T.P.
HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên
Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên
Ông Lưu Minh Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên
Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm **đảm bảo** rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và **đảm bảo** rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các **chuẩn mực** kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan **đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.**

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm **đảm bảo** an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đại dịch Covid - 19 đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến ngành vận tải hành khách trong đó có Công ty CP Hoàng Hà. Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Chúng tôi **tin tưởng** rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng do đại dịch mang tới. Chúng tôi đã và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi - phát triển.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Số: 081202/2021/BCSX-ICPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2021, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính của Công ty, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn, Công ty đang bị lỗ từ hoạt động kinh doanh, đồng thời, như đã trình bày tại thuyết minh số VIII.3 về các diễn biến của dịch Covid - 19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

1011
CÔNG
T
KIỂM
QUỐC
T
XU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.486.009.144	26.076.050.928
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.828.743.779	6.231.425.758
1. Tiền	111		3.828.743.779	1.231.425.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.419.274.905	14.211.446.071
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	13.858.338.278	12.672.095.941
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	681.684.637	220.740.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	879.251.990	1.318.610.130
III. Hàng tồn kho	140	V.6	8.869.268.138	2.891.509.607
1. Hàng tồn kho	141		8.869.268.138	2.891.509.607
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.368.722.322	2.741.669.492
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	657.522.704	1.017.352.579
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		706.199.618	1.718.923.601
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7a	5.000.000	5.393.312
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		350.630.128.876	418.292.979.592
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		821.015.445	18.809.471.616
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	821.015.445	18.809.471.616
II. Tài sản cố định	220		271.798.496.485	294.222.368.225
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	249.301.630.096	262.935.790.339
- Nguyên giá	222		435.241.131.870	439.556.407.082
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(185.939.501.774)	(176.620.616.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	22.410.853.486	31.286.577.886
- Nguyên giá	225		69.518.303.960	80.802.661.115
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(47.107.450.474)	(49.516.083.229)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	86.012.903	-
- Nguyên giá	228		163.000.000	75.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(76.987.097)	(75.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.479.535.947	4.335.060.480
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.479.535.947	4.335.060.480
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		55.376.049.963	74.656.332.078
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	30.000.000.000	50.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	25.000.000.000	25.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(813.950.037)	(343.667.922)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.12	1.190.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.155.031.036	26.269.747.193
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	18.155.031.036	26.269.747.193
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		380.116.138.020	444.369.030.520


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		120.558.110.060	155.298.070.996
I. Nợ ngắn hạn	310		89.534.420.952	116.655.544.596
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	3.992.207.053	4.086.819.371
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7b	850.974.128	371.936.900
3. Phải trả người lao động	314		5.248.548.665	1.877.955.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.818.390.731	1.507.256.412
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	834.740.958	858.067.940
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	5.163.493.700	5.036.461.340
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	71.626.065.717	102.621.986.210
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	295.061.423
II. Nợ dài hạn	330		31.023.689.108	38.642.526.400
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	-	232.404.813
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	67.471.000	48.100.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	30.956.218.108	38.362.021.587
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		259.558.027.960	289.070.959.524
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	259.558.027.960	289.070.959.524
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		348.963.540.000	348.963.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		348.963.540.000	348.963.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.272.435.487	5.272.435.487
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(95.610.054.747)	(66.097.123.183)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(66.097.123.183)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(29.512.931.564)	(66.097.123.183)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		380.116.138.020	444.369.030.520


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2021


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	52.364.577.835	57.698.707.449
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.364.577.835	57.698.707.449
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	64.463.974.832	73.780.363.298
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(12.099.396.997)	(16.081.655.849)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		11.941.440	1.225.649
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	5.335.950.780	6.470.719.477
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.865.653.624	6.376.152.116
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	8.875.374.339	7.913.394.016
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(26.298.780.676)	(30.464.543.693)
10. Thu nhập khác	31	VI.5	21.116	349.172.292
11. Chi phí khác	32	VI.6	3.214.172.004	66.495.216
12. Lợi nhuận khác	40		(3.214.150.888)	282.677.076
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(29.512.931.564)	(30.181.866.617)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(29.512.931.564)	(30.181.866.617)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8		
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8		

Nghiêm Thị Hiếu
Người lập
Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(29.512.931.564)	(30.181.866.617)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	17.320.049.964	18.428.523.570
Các khoản dự phòng	03	470.282.115	94.567.361
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	15.041	(37.835)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	3.185.306.793	(279.506.634)
Chi phí lãi vay	06	4.865.653.624	6.376.152.116
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(3.671.624.027)	(5.562.168.039)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	17.791.751.521	28.472.470.098
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(5.977.758.531)	2.950.391.327
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	3.501.214.673	(707.110.090)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	8.474.546.032	(7.500.011.627)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.554.519.305)	(5.468.798.845)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(295.061.423)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20	15.268.548.940	12.184.772.824
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(118.881.000)	(19.271.218.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.025.454.543	320.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.190.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	20.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.934.551	205.123.471
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	20.730.508.094	(18.746.094.529)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	32.922.701.766	63.392.607.962
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(65.065.485.739)	(53.711.505.591)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(6.258.939.999)	(2.742.410.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.401.723.972)	6.938.691.912
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.402.666.938)	377.370.207
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.231.425.758	6.026.456.109
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(15.041)	37.835
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.828.743.779	6.403.864.151


Nghiem Thi Hieu
Người lập

Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2021


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 cấp ngày 30 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ là 348.963.540.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HHG. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HHG là ngày 28/07/2010.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 367 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 436 người).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Bến xe khách Bến xe phía Tây Thái Bình	Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	Thái Bình	45,45%	45,45%	Mua, bán xăng dầu, phụ tùng ô tô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Công ty ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng thuê tài chính. Doanh thu từ thuê tài chính được phân bổ vào các kỳ kế toán nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên tổng số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải	<u>Năm khấu hao</u> 03 - 10
---------------------	--------------------------------

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

Hệ điều hành taxi và phần mềm chuyển phát nhanh	<u>Năm khấu hao</u> 05
Phần mềm taxi	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	3.719.324.298	1.180.939.592
Tiền gửi ngân hàng	109.419.481	50.486.166
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	3.828.743.779	6.231.425.758

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Thăng Long	8.110.334.000	2.584.437.000
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	1.492.654.413	513.636.413
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất nhập khẩu Kim Long - Thái Bình	1.243.124.625	1.378.663.640
Khách hàng khác	3.012.225.240	8.195.358.888
Cộng	13.858.338.278	12.672.095.941
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.2)	1.975.505.413	1.092.487.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	679.684.637	-
Các nhà cung cấp khác	2.000.000	220.740.000
Cộng	681.684.637	220.740.000
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.2)	679.684.637	-

4. Phải thu khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Tiền thuế GTGT phải thu hoạt động thuê tài chính	820.842.300	1.293.628.560
Phải thu khác	58.409.690	24.981.570
Cộng	879.251.990	1.318.610.130
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	821.015.445	829.471.616
Công ty CP Du lịch Thương mại Tiền Bình	-	17.980.000.000
Cộng	821.015.445	18.809.471.616

5. Chi phí trả trước

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe, phí sử dụng đường bộ	653.633.688	778.273.113
Chi phí trả trước khác	3.889.016	239.079.466
Cộng	657.522.704	1.017.352.579
b) Dài hạn		
Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe	1.181.835.913	3.116.789.334
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.117.320.722	4.153.144.306
Chi phí trả trước khác	13.855.874.401	18.999.813.553
Cộng	18.155.031.036	26.269.747.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.544.722.683	-	2.566.964.152	-
Hàng hoá	324.545.455	-	324.545.455	-
Cộng	8.869.268.138	-	2.891.509.607	-

7. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	30/06/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp/ bù trừ trong kỳ	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	393.312	-	393.312
Các loại thuế khác	5.000.000	4.000.000	4.000.000	5.000.000
Cộng	5.000.000	4.393.312	4.000.000	5.393.312
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	472.152.770	4.781.829.945	4.309.677.175	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	146.854.576	-	-	146.854.576
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	14.026.419	14.026.419
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	17.076.569	17.076.569	-	-
Thuế, phí, lệ phí khác	214.890.213	4.696.971	862.663	211.055.905
Cộng	850.974.128	4.803.603.485	4.324.566.257	371.936.900

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2021	220.489.736.357	28.063.866.344	146.940.579.055	44.062.225.326	439.556.407.082
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	11.315.238.155	-	11.315.238.155
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.630.513.367)	-	(15.630.513.367)
Tại ngày 30/06/2021	220.489.736.357	28.063.866.344	142.625.303.843	44.062.225.326	435.241.131.870
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2021	45.449.214.575	22.300.849.421	97.651.113.040	11.219.439.707	176.620.616.743
Khấu hao trong kỳ	4.022.372.210	1.355.409.366	4.870.858.360	3.202.692.420	13.451.332.356
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	6.275.363.266	-	6.275.363.266
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.407.810.591)	-	(10.407.810.591)
Tại ngày 30/06/2021	49.471.586.785	23.656.258.787	98.389.524.075	14.422.132.127	185.939.501.774
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	175.040.521.782	5.763.016.923	49.289.466.015	32.842.785.619	262.935.790.339
Tại ngày 30/06/2021	171.018.149.572	4.407.607.557	44.235.779.768	29.640.093.199	249.301.630.096

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 120.908.061.895 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 98.223.268.047 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 51.086.980.300 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 53.314.106.421 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2021	80.802.661.115	80.802.661.115
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(11.284.357.155)	(11.284.357.155)
Tại ngày 30/06/2021	<u>69.518.303.960</u>	<u>69.518.303.960</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2021	49.516.083.229	49.516.083.229
Khấu hao trong kỳ	3.866.730.511	3.866.730.511
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(6.275.363.266)	(6.275.363.266)
Tại ngày 30/06/2021	<u>47.107.450.474</u>	<u>47.107.450.474</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	<u>31.286.577.886</u>	<u>31.286.577.886</u>
Tại ngày 30/06/2021	<u>22.410.853.486</u>	<u>22.410.853.486</u>

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2021	75.000.000	75.000.000
Mua trong kỳ	88.000.000	88.000.000
Tại ngày 30/06/2021	<u>163.000.000</u>	<u>163.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2021	75.000.000	75.000.000
Khấu hao trong kỳ	1.987.097	1.987.097
Tại ngày 30/06/2021	<u>76.987.097</u>	<u>76.987.097</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 30/06/2021	<u>86.012.903</u>	<u>86.012.903</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 75.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 75.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án Bến xe phía Tây Thái Bình	4.479.535.947	4.335.060.480
Cộng	4.479.535.947	4.335.060.480

Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình được thực hiện theo Hợp đồng BOO số 03/HĐ - BOO ngày 12 tháng 02 năm 2018 ký giữa Sở giao thông vận tải Thái Bình và Công ty Cổ phần Hoàng Hà. Quy mô diện tích của dự án là 47.683 m². Thời gian chuẩn bị và xây dựng công trình theo hợp đồng là từ năm 2018 đến năm 2019. Thời gian quản lý và khai thác là 50 năm. Tổng vốn đầu tư tạm tính của dự án là 118.983.000.000 đồng. Hiện tại, dự án đang gặp vướng mắc trong quá trình giải phóng mặt bằng nên chưa tiếp tục chuyển sang giai đoạn thi công tiếp theo.

12. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (*)	1.190.000.000	-
Cộng	1.190.000.000	-

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình với tổng số tiền gửi là 1.190.000.000 đồng. Lãi suất là 4,9 %/năm. Khoản tiền gửi này đáo hạn tại ngày 23/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Đầu tư vào Công ty con

	30/06/2021		01/01/2021	
Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND
100%	30.000.000.000	(295.588.361)	100%	50.000.000.000
	30.000.000.000	(295.588.361)		(19.411.908)
				(19.411.908)

Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình
Cộng

Việc rút một phần khoản đầu tư tại Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình được thực hiện theo Nghị quyết HĐQT ngày 10/04/2021 của Công ty CP Hoàng Hà về việc giảm vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình từ 50 tỷ đồng xuống còn 30 tỷ đồng.

14. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2021		01/01/2021	
Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND
45,45%	25.000.000.000	(518.361.676)	45,45%	25.000.000.000
	25.000.000.000	(518.361.676)		(324.256.014)
				(324.256.014)

Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh
Cộng

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Hưng Lợi	1.349.187.620	1.349.187.620	28.203.956	28.203.956
Công ty TNHH Tuấn Linh	538.125.500	538.125.500	-	-
Công ty TNHH Dầu nhờn Quốc tế Thụy Dương	410.093.720	410.093.720	285.372.970	285.372.970
Phải trả cho các đối tượng khác	1.694.800.213	1.694.800.213	3.773.242.445	3.773.242.445
Cộng	3.992.207.053	3.992.207.053	4.086.819.371	4.086.819.371
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VIII.2)	129.206.000	129.206.000	231.684.614	231.684.614

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong

Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.818.390.731	1.507.256.412
Cộng	1.818.390.731	1.507.256.412

17. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Nhận trước tiền thuê mặt bằng	834.740.958	858.067.940
Cộng	834.740.958	858.067.940
b) Dài hạn		
Chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của tài sản thuê tài chính	-	232.404.813
Cộng	-	232.404.813

18. Phải trả khác

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	126.510.160	126.510.160
Bảo hiểm xã hội	724.639.244	-
Bảo hiểm y tế	133.182.911	-
Bảo hiểm thất nghiệp	58.650.258	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu may Thăng Long	-	821.890.810
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình (*)	4.050.626.702	4.038.515.591
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	48.884.425	49.544.779
Cộng	5.163.493.700	5.036.461.340
Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (xem thuyết minh VIII.2)	4.050.626.702	4.038.515.591
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	67.471.000	48.100.000
Cộng	67.471.000	48.100.000

(*) Các khoản phải trả về lãi vay, các khoản chi hộ của Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình cho Công ty Cổ phần Hoàng Hà về tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiến Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	42.998.811.471	42.998.811.471	32.922.701.766	39.201.865.740
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	20.917.004.621	20.917.004.621	18.038.577.178	21.642.371.231
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	22.081.806.850	22.081.806.850	14.884.124.588	17.559.494.509
Vay cá nhân, tổ chức	-	-	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình	-	-	-	20.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	18.668.779.557	18.668.779.557		
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	9.958.474.689	9.958.474.689		
Cộng	71.626.065.717	71.626.065.717		
			20.041.845.557	20.041.845.557
			13.302.165.208	13.302.165.208
			102.621.986.210	102.621.986.210

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/416446 ngày 05/08/2019. Theo đó, hạn mức tín dụng tối đa là 25 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức. Thời hạn cho vay tùy theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Lãi suất theo BIDV Thái Bình từng kỳ. Hình thức đảm bảo: thế chấp tài sản gắn liền với đất của Công ty bao gồm: Nhà xưởng bảo dưỡng xe, phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm, nhà kinh doanh phụ tùng, ô tô và các phương tiện vận tải xe chờ khách, xe buýt,.....

Đến thời điểm hiện tại Công ty đã ký hợp đồng hạn mức tín dụng mới ngày 08/07/2021. Cụ thể:

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/416446/HĐTĐ ngày 08/07/2021 với hạn mức tín dụng thường xuyên là 23.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 30/06/2022 kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay, lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản bảo đảm quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOANG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02100/HDTD/21/00016-VCB ngày 04 tháng 02 năm 2021 với hạn mức cho vay là 24.757.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay vốn để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải, thương mại, sửa chữa ô tô. Tài sản bảo đảm quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp.

20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Các khoản vay dài hạn của Công ty	48.291.794.557	48.291.794.557	-	54.155.414.556
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	22.702.915.108	22.702.915.108	-	22.702.915.108
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	22.507.588.000	22.507.588.000	-	27.507.587.999
Ngân hàng TMCP An Bình (iii)	907.199.449	907.199.449	-	1.511.999.449
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Thái Bình (iv)	2.174.092.000	2.174.092.000	-	2.432.912.000
Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn	11.291.677.797	11.291.677.797	-	17.550.617.796
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam (v)	5.691.162.250	5.691.162.250	-	8.634.110.500
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội (vi)	5.600.515.547	5.600.515.547	-	8.916.507.296
Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	18.668.779.557	18.668.779.557		20.041.845.557
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	11.817.982.108	11.817.982.108		7.617.982.108
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.296.548.000	5.296.548.000		10.593.096.000
Ngân hàng TMCP An Bình	907.199.449	907.199.449		1.209.599.449
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Thái Bình	647.050.000	647.050.000		621.168.000
Trừ: Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	9.958.474.689	9.958.474.689		13.302.165.208
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	4.357.959.142	4.357.959.142		7.068.505.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	5.600.515.547	5.600.515.547		6.233.660.208
Cộng	30.956.218.108	30.956.218.108		38.362.021.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 021/050/09/0000288/VCB-TB tháng 06 năm 2009 giữa Công ty CP Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay). Thời hạn vay vốn là 144 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định theo thông báo của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư công trình Văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 14472.16.755.2376838.TD ngày 18 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để đầu tư mua sắm ô tô mới nguyên chiếc phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách. Thời hạn vay vốn tối đa là 84 tháng, lãi suất vay vốn được quy định tại từng khế ước nhận nợ tại thời điểm. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 89826.17.755.2376838.TD ngày 30 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng là 17.600.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô chở khách 29 chỗ theo hợp đồng mua bán xe số CV15VSA1215106/AH ngày 17 tháng 12 năm 2015 và phụ lục 05 ngày 13 tháng 02 năm 2017 ký giữa Công ty CP Hoàng Hà và Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam (Giai đoạn 2 - năm 2017); Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trên khế ước nhận nợ, lãi suất được quy định tại từng thời điểm nhận nợ; Tài sản đảm bảo là 20 xe ô tô 29 chỗ Fusco Rosa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Hà.

(iii) Hợp đồng tín dụng số 119/17/TD-TT/XXXI ký ngày 13 tháng 01 năm 2017 với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức là 15.120.000.000 đồng để đầu tư 50 xe ô tô Hyundai Grand i10 Sendan bản 1.2 MT Base nhập khẩu nguyên chiếc mới 100% để hoạt động kinh doanh taxi với thương hiệu Taxi Hoàng Hà. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định tại thời điểm giải ngân trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay. Nội dung chi tiết được thể hiện trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 121/17/TC-TT/XXXI ngày 13/01/2017; Giấy nhận nợ số 119/17/TD-TT/XXXI.01 ngày 16/1/17, số tiền vay 6.048.000.000 VND, lãi suất cho vay 8,1%/năm trong 12 tháng, sau 12 tháng lãi suất thay đổi theo quy định của ABBANK hoặc phê duyệt cụ thể, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/02/2017.

(iv) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cho vay số 277/2019/HĐCV-9222 ngày 12 tháng 12 năm 2019. Số tiền cho vay là 2.884.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Thời hạn giải ngân tối đa 60 ngày kể từ ngày 12/12/2019. Mục đích vay để mua xe ô tô Lexus theo Hợp đồng mua bán xe ô tô trả góp số 190834/HĐMB ngày 09/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Lexus Thăng Long và Công ty. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là xe ô tô, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Công ty bao gồm các thông tin: nhãn hiệu Lexus, số loại RX350, biển số 17A - 163.78, số khung JTJBZMCA402046782. Tài sản đảm bảo được định giá là 4.100.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

- (v) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cổ phần Hoàng Hà với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng:

Hợp đồng cho thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.046/2015/TSC-CTTC ngày 06/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 3.870.700.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Toyota Innova 2.0E mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2015. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 414.084.750 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.105/2017/TSC-CTTC ngày 04/12/2017 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 5.643.900.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Fuso đồ. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 1.621.252.500 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) 01.026/2018/TSC-CTTC ngày 23/04/2018 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 11.820.000.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 36 tháng, lãi suất 9,5%/năm trong 03 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 03 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 10 xe ô tô khách Samco. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 3.655.825.000 đồng.

- (vi) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty cổ phần Hoàng Hà và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB leasing) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 11.09.13/HĐCTTC-HH2 ngày 13 tháng 03 năm 2014, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 84 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 1.638.923.085 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.09.15/HĐCTTC-HH2 ngày 29 tháng 09 năm 2015, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại 30 tháng 06 năm 2021 là: 395.108.265 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.02.16/HĐCTTC-HH ngày 18 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 329.610.574 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.02.16/HĐCTTC-HH ngày 27 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 1.010.939.086 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Hợp đồng cho thuê tài chính số 04.01.16/HĐCTTC-HH ngày 31 tháng 01 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 157.478.772 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.01.16/HĐCTTC-HH ngày 31 tháng 01 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 310.240.765 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.12.16/HĐCTTC-HH ngày 07 tháng 12 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 1.758.215.000 đồng.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính:		
Trong vòng một năm	9.958.474.689	13.302.165.208
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.333.203.108	4.248.452.588
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	11.291.677.797	17.550.617.796
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	9.958.474.689	13.302.165.208
Số phải trả sau 12 tháng	1.333.203.108	4.248.452.588

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Các khoản phải trả do vay dài hạn:		
Trong vòng một năm	18.668.779.557	20.041.845.557
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	29.623.015.000	34.113.568.999
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	48.291.794.557	54.155.414.556
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	18.668.779.557	20.041.845.557
Số phải trả sau 12 tháng	29.623.015.000	34.113.568.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP-THEO)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	348.963.540.000	932.107.220	4.944.328.656	328.106.831	355.168.082.707
Lỗi trong năm	-	-	-	(66.097.123.183)	(66.097.123.183)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	328.106.831	(328.106.831)	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(66.097.123.183)	289.070.959.524
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(29.512.931.564)	(29.512.931.564)
Số dư tại ngày 30/06/2021	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(95.610.054.747)	259.558.027.960

b. Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi	34.896.354	34.896.354
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.364.577.835	57.698.707.449
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.443.584.337	45.900.444.194
- Doanh thu bán hàng hóa	9.679.049.806	9.112.972.944
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.973.706.035	2.685.290.311
- Doanh thu khác	268.237.657	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.364.577.835	57.698.707.449

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.200.833.520	63.311.365.182
Giá vốn hàng hóa đã bán	9.110.275.103	8.579.578.384
Giá vốn bất động sản	1.884.628.552	1.889.419.732
Giá vốn khác	268.237.657	-
Cộng	64.463.974.832	73.780.363.298

3. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	4.865.653.624	6.376.152.116
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(117.716.478)
Dự phòng tổn thất đầu tư	470.282.115	212.283.839
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.041	-
Cộng	5.335.950.780	6.470.719.477

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân công	2.939.692.419	3.372.972.019
Chi phí công cụ dụng cụ	1.402.334.876	822.900.276
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.540.616.983	1.354.892.749
Thuế, phí và lệ phí	43.298.253	129.635.669
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.307.186.614	1.477.610.002
Chi phí bằng tiền khác	642.245.194	755.383.301
Cộng	8.875.374.339	7.913.394.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	278.318.820
Các khoản thu nhập khác	21.116	70.853.472
Cộng	21.116	349.172.292

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Các khoản phạt chậm nộp	16.890.081	66.472.438
Lỗi do thanh lý tài sản cố định	3.197.248.233	-
Chi phí khác	33.690	22.778
Cộng	3.214.172.004	66.495.216

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.512.931.564)	(30.181.866.617)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	7.205.371.321	567.210.890
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>7.205.371.321</i>	<i>567.210.890</i>
+ Các khoản phạt	16.890.081	66.472.438
+ Chi phí khấu hao xe dùng hoạt động	1.923.672.826	-
+ Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	4.853.712.184	-
+ Chi phí không được trừ khác	411.096.230	500.738.452
Tổng thu nhập tính thuế	(22.307.560.243)	(29.614.655.727)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	(22.307.560.243)	(29.614.655.727)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	-	-

8. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu, trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ tiêu trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.296.533.579	27.565.112.247
Chi phí nhân công	16.895.267.421	22.730.395.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.320.049.964	18.428.523.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.139.872.440	3.170.817.075
Chi phí khác bằng tiền	2.309.113.007	3.107.844.891
Cộng	63.960.836.411	75.002.693.534

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 32.922.701.766 đồng.

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc theo kế ước thông thường: 65.065.485.739 đồng.

- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính: 6.258.939.999 đồng

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động KD bất động sản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	9.947.287.463	39.443.584.337	2.973.706.035	52.364.577.835
Tổng Doanh thu thuần	9.947.287.463	39.443.584.337	2.973.706.035	52.364.577.835
Chi phí phân bổ	11.064.497.896	59.886.203.492	2.388.647.783	73.339.349.171
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.117.210.433)	(20.442.619.155)	585.058.252	(20.974.771.336)
Lãi tiền gửi				11.941.440
Chi phí tài chính				(5.335.950.780)
Lãi (Lỗ) khác				(3.214.150.888)
Lợi nhuận trước thuế				(29.512.931.564)
Thuế TNDN hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế TNDN				(29.512.931.564)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	11.556.477.258	-	11.556.477.258
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.833.307.458	19.165.322.309	1.444.899.990	25.443.529.757
Số dư tại ngày 30/06/2021				
Tài sản bộ phận	2.325.939.905	374.545.346.287	3.244.851.828	380.116.138.020
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	2.325.939.905	374.545.346.287	3.244.851.828	380.116.138.020
Nợ phải trả bộ phận	-	120.558.110.060	-	120.558.110.060
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	120.558.110.060	-	120.558.110.060

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty liên kết
Công ty có liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Các giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Doanh thu bán hàng	861.818.180	470.181.818
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	43.636.364	43.636.364
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	818.181.816	426.545.454
Mua hàng	10.767.934.395	15.947.366.861
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	10.474.801.395	15.900.332.861
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	293.133.000	47.034.000
Đi vay	40.000.000.000	15.400.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	-	15.400.000.000
Trả gốc vay	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	20.000.000.000	-
Thu hồi tiền góp vốn	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	20.000.000.000	-
Chi phí lãi vay phát sinh	12.111.111	-
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	12.111.111	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Các khoản phải thu khách hàng	1.975.505.413	1.092.487.413
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.492.654.413	513.636.413
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	-	96.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	482.851.000	482.851.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	679.684.637	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	679.684.637	-
Phải trả người bán ngắn hạn	129.206.000	231.684.614
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	-	201.078.214
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	129.206.000	30.606.400
Vay và nợ thuê tài chính	-	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	-	20.000.000.000
Phải trả khác	4.050.626.702	4.038.515.591
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	4.050.626.702	4.038.515.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Ông Lưu Huy Hà	60.721.907
Ông Nguyễn Hữu Hoan	58.501.148
Ông Đinh Văn Thọ	49.412.593
Ông Lưu Tuấn Anh	30.889.911
Ông Lê Văn Sinh	56.087.563
Cộng	255.613.122

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Sự lây lan của dịch bệnh do Covid - 19 gây ra đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng tiêu cực từ diễn biến khó dự đoán của dịch bệnh Covid - 19 bùng phát lần thứ 5 ở Việt Nam. Sự kiện này đã tác động trực tiếp đến doanh thu lãi của Công ty CP Hoàng Hà đến từ lĩnh vực vận tải hành khách.

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của Covid - 19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, kèm theo các kế hoạch thích hợp trong ngắn hạn và dài hạn để kiểm soát sự không chắc chắn. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ phụ thuộc vào việc gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp. Ban Tổng Giám đốc đang chủ động xem xét lại chiến lược kinh doanh, làm việc với các đối tác và các tổ chức tín dụng nhằm ứng phó với tình hình tài chính hiện tại.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2021 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 đã được soát xét.


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2021


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc

